

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình  
Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 29/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;



Căn cứ Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 27/7/2009; Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp, ủy quyền quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định 01/2007/QĐ-TTg ngày 08/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2006 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030;

Căn cứ Văn bản số 2335/TTg-KTN ngày 19/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Cảng hành khách Quốc tế tại Phú Quốc;

Căn cứ Văn bản số 268/TTg-KTN ngày 24/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng hành khách Quốc tế tại Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 4400/QĐ-BGTVT ngày 21/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc;

Căn cứ Văn bản số 2974/BTC-ĐT ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính về việc thẩm định nguồn vốn ngân sách Trung ương cho dự án khởi công mới: Dự án đầu tư xây dựng Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 56/TB-HĐND ngày 12/3/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Văn bản số 1446/BKHĐT-KTĐPLT ngày 16/3/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và phần vốn NSTW đối với Dự án đầu tư xây dựng Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải Kiên Giang tại Tờ trình số 60/TTr-SGTVT ngày 17/3/2015 về việc trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo hình thức Hợp đồng BOT,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng công trình Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang.

**3. Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư:** Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Cảng - Kỹ thuật biển (Portcoast).

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** Ks. Phạm Anh Tuấn.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm xây dựng Cảng hành khách Quốc tế đa chức năng, tiếp nhận tàu khách du lịch và hàng hóa; xây dựng cảng mạng tầm chiến lược dài hạn, đảm bảo tiếp nhận được các loại tàu khách cỡ lớn, góp phần xây dựng huyện đảo Phú Quốc thành đặc khu kinh tế theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trong khu vực dự án nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển giao thông vận tải.

### **6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:**

6.1. Phạm vi dự án: Khu vực xây dựng thuộc địa phận thị trấn Dương Đông, huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; tổng diện tích khoảng 180 ha (trên bờ là 2,8ha).

6.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng 01 đê chắn sóng dài 850m;

- Xây dựng 01 cầu cảng ( $B_{\text{cầu}}=13\text{m}$ ), có khả năng tiếp nhận tàu khách trọng tải đến 225.000GT và tàu hàng từ mặt trước; mặt sau bên có thể tiếp nhận tàu khách nhỏ hơn hoặc tàu container, tàu hàng tổng hợp trọng tải từ 20.000DWT đầy tải đến 30.000DWT giảm tải;

- Luồng và vũng quay tàu cho tàu khách 225.000GRT, tàu container 15.000DWT và các tàu có trọng tải lớn hơn giảm tải phù hợp khi hành hải;

- Khu nhà ga hành khách được xây dựng trên khu đất có kích thước 16mx65m với quy mô 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 1.950 m<sup>2</sup>, các công trình phụ trợ gồm có nhà bảo vệ, trạm cấp điện, trạm cấp nước, bãi đỗ xe, đường nội bộ,...

6.3 Giải pháp thiết kế:

a) Tổng thể bố trí mặt bằng: Mặt bằng tổng thể bao gồm đê chắn sóng, bến cầu tàu, cầu dẫn, luồng và vũng quay tàu. Đê chắn sóng dài 850m được bố trí hình chữ L giúp che chắn sóng cho khu bến.

b) Hệ cao độ sử dụng: Hệ cao độ quốc gia tại Dương Đông.

c) Đê chắn sóng:



- Đê chắn sóng có kết cấu dạng mái nghiêng sử dụng khối phá sóng Chinese Accropode với các thông số chính như sau:

- Cao trình đỉnh đê: +4,5m.
- Bề rộng đỉnh: 6,6m.
- Mái dốc: 4/3.
- Lớp phủ: Khối Accropode 5,0T xếp 01 lớp dày 1,62m.
- Lớp lót sử dụng đá hộc.
- Lõi đê sử dụng đá hộc.
- Lớp bảo vệ chống xói dùng đá hộc, chiều rộng 20m.

d) Bến:

- Bến cảng dạng bến nhô; cầu chính được bố trí ở khu vực có độ sâu tự nhiên -11,0m, cầu chính được nối với bờ bằng cầu dẫn. Cầu chính là bến liên tục, bố trí cập tàu ở cả mặt trong và mặt ngoài; khả năng tiếp nhận tàu khách trọng tải đến 225.000GT.

- Cầu dẫn nối bến với khu hành khách, có chiều rộng đủ để xe chở hành khách di chuyển thuận lợi, đảm bảo hai chiều từ khu hành khách ra bến và ngược lại.

- Cao trình đỉnh bến: + 4,0 m.

- Cao trình đáy bến: - 11,0 m.

- Tổng chiều dài bến là 409m, rộng 35m bao gồm sàn đón trả khách, trụ neo, trụ đỡ cầu công tác và cầu công tác.

- Sàn đón trả khách dài 240m. Kết cấu bến dạng dầm bản BTCT, móng cọc BTCT. Cao độ mặt bến là +4,0m, cao độ đáy bến là -11,0m.

- Nền cọc: Kết cấu cọc đóng BTCT.

- Hệ thống dầm trong cầu chính (giai đoạn 1) gồm 20 dầm ngang kích thước 1000x1500mm và 3 dầm dọc kích thước 1000x1500mm.

- Bản mặt cầu: Bản mặt cầu gồm bản đúc sẵn dày 350mm và bản đổ tại chỗ dày 150mm, phía trên bản phủ lớp bê tông có chiều dày thay đổi từ 50mm đến 100mm.

- Trụ neo có kích thước 9,0x12m. Kết cấu bến dạng dầm bản trên nền cọc BTCT.

- Trụ đỡ cầu công tác: Kết cấu bến dạng dầm bản trên nền cọc BTCT.

- Cầu dẫn: Tổng chiều dài 1004m, rộng  $B_{\text{cầu}} = 13\text{m}$ ; kết cấu dạng dầm BTCT DU $\bar{L}$ ; góì đỡ sử dụng dầm BTCT, móng cọc BTCT; dầm ngang sử dụng dầm hộp BTCT DU $\bar{L}$ ; bản quá độ BTCT.

e) Nhà ga: Xây dựng 02 tầng, kích thước 65x12m; móng BTCT; cột, dầm, sàn sử dụng BTCT, mái lợp tôn.

f) Luồng và vũng quay tàu:

- Vũng quay tàu có đường kính 720m, cao độ vũng quay tàu -10,0m.

- Luồng cho tàu khách 225.282GRT: Rộng B=250m; cao độ đáy luồng -10,0m.

- Luồng cho tàu 15.000DWT: Rộng B=120m, cao độ đáy luồng -9,0m.

- Tỉnh không thông thuyền yêu cầu: Hk = 72m.

g) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

- Cao độ san nền: +4,0 m.

- Giao thông:

+ Giao thông đối ngoại: Cầu dẫn kết nối thẳng với đại lộ Võ Văn Kiệt và đường Trần Phú thông qua đoạn đường dẫn dài khoảng 140m, quy mô 02 làn xe.

+ Giao thông nội bộ: Đường nội bộ, sân bãi trước nhà ga, bãi đậu xe được xây dựng đồng nhất, phân chia bằng sơn định tuyến.

- Cấp điện: Tổng nhu cầu dùng điện của Cảng là 240,98KVA. Nguồn cung cấp cho Cảng từ đường dây trung thế 22kV dự kiến lắp đặt theo quy hoạch đến năm 2030 của điện lực địa phương.

- Thông tin liên lạc: Cảng sử dụng mạng viễn thông và thông tin liên lạc của Phú Quốc.

- Cấp, thoát nước:

+ Tổng nhu cầu cấp nước là 972m<sup>3</sup>/ngày đêm trong đó nhu cầu cấp nước chữa cháy khoảng 162m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

+ Nguồn nước được dự kiến lấy từ ống D300 của trạm cấp nước từ hồ chứa Dương Đông.

+ Xây dựng hệ thống ống D100 cấp nước tới khu cảng, điểm đầu tuyến, đầu nối với nguồn nước D300, điểm cuối cấp nước cho Cảng.

+ Thoát nước mưa: Xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước bản theo nguyên tắc tự chảy; bố trí dọc theo hàng rào, tuyến đường vào cảng và khu nhà ga. Sử dụng cống BTCT chịu tải trọng H30, đường kính cống D300-400.

+ Thoát nước thải: Lưu lượng nước thải dự kiến là 6,64 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải được thu gom và chở đến trạm xử lý tập trung bằng thiết bị chuyên dụng. Dung tích bể chứa nước thải tạm thời dự kiến trong 7 ngày, kích thước LxBxH = 5,4mx5,4mx2,4m, vật liệu BTCT.

**7. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Dương Đông, huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Khoảng 179,3 ha bao gồm các hạng mục trên bờ là 2,8 ha và dưới nước là 176,5 ha.

**9. Phương án xây dựng:** Xây dựng mới.

**10. Loại, cấp công trình:**

- Đê chắn sóng: Cấp công trình giao thông cấp I;

- Bến cảng biển: Cấp công trình giao thông cấp II.

**11. Tổng mức đầu tư: 1.644,728 triệu đồng** (Bằng chữ: Một nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu đồng).

Trong đó:

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Hạng mục	Kinh phí		Tổng cộng
		Phần vốn Nhà đầu tư	Phần vốn ngân sách	
1	Chi phí xây dựng	354.178	768.533	1.122.711
2	Chi phí thiết bị	92.400	17.155	109.555
3	Chi phí đền bù GPMB (tạm tính)	-	3.000	3.000
4	Chi phí QLDA	-	13.195	13.195
5	Chi phí tư vấn	16.723	16.798	33.521
6	Chi phí khác	3.229	19.289	22.518
7	Lãi vay trong thời gian xây dựng (tạm tính)	26.888	-	26.888
8	Chi phí dự phòng	-	313.340	313.340
	<b>Tổng cộng</b>	<b>493.418</b>	<b>1.151.310</b>	<b>1.644.728</b>
	Tỷ lệ (%)	(30%)	(70%)	(100%)

[Trong đó: Chi phí lập dự án (1.122.711.000.000đ + 109.555.000.000đ)/1,1 x 0,12659% x 1,1 (GTGT) = **1.559.525.000** đồng].

**12. Hình thức đầu tư:** Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) có sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước.

**13. Nguồn vốn đầu tư:**

- Vốn BOT: 493,418 tỷ đồng (Nhà đầu tư huy động vốn chủ sở hữu và vốn vay để thực hiện đầu tư xây dựng dự án, thu hồi vốn thông qua thu phí).

- Vốn ngân sách: 1.151,310 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 476,972 tỷ đồng.

+ Ngân sách địa phương: 674,338 tỷ đồng.

**14. Hình thức quản lý dự án:**

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án phần vốn ngân sách nhà nước (70%).

- Nhà đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án phần vốn BOT (30%). Đối với các hạng mục chủ yếu, gồm: 120m bến, 1004m cầu dẫn, 02 tàu lai và các hạng mục phụ trợ khác.

### **15. Phương án tài chính:**

Phương án tài chính sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư và đàm phán ký kết Hợp đồng dự án, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Dự kiến như sau:

- Mức thu phí: Phí và lệ phí hàng hải; các khoản thu của doanh nghiệp theo Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ngày 04/11/2008 của Bộ Tài chính; các khoản phí khác (lệ phí cấp giấy phép lên bờ cho thuyền viên; cấp giấy phép cho hành khách; lệ phí phương tiện vận tải,...) theo các Thông tư số 164/2012/TT-BTC và số 172/2010/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; dự kiến 03 năm điều chỉnh mức phí 01 lần, mỗi lần dự kiến tăng 12%.

- Thời gian hoàn vốn: Khoảng 30 năm.

**16. Thời gian thực hiện dự án:** Dự kiến khởi công năm 2015, hoàn thành năm 2017.

**17. Phương thức tổ chức quản lý, kinh doanh phần vốn BOT:** Doanh nghiệp dự án thực hiện việc quản lý, kinh doanh công trình phù hợp với các quy định của pháp luật và các điều kiện thỏa thuận trong Hợp đồng dự án.

**18. Điều kiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận:** Sau khi hết thời gian kinh doanh công trình theo quy định, nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng dự án và các quy định khác.

**19. Các nội dung khác:** Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành Giao thông, Tư vấn lập dự án có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến góp ý của các cơ quan và nội dung kiến nghị tại Báo cáo kết quả thẩm định số 01/BC-SGTVT ngày 02/3/2015 của Sở Giao thông vận tải Kiên Giang và Biên bản ngày 10/3/2015 về việc lấy ý kiến các ngành và địa phương về thẩm định Dự án đầu tư xây dựng Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).


- Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện dự án theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, đảm bảo trình tự đầu tư xây dựng cơ bản và các quy định hiện hành đối với phần vốn ngân sách.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ.

**Điều 3.** Dự án này chỉ được triển khai thực hiện sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được duyệt.



**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc; Giám đốc Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành Giao thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT, UBND tỉnh;
- Đăng Công báo tỉnh;
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, nvthanh (10 bản).

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nghị**